

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Liêm

Ông Nguyễn Hoàng Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 292/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc yêu cầu xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Cẩm Nh, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp , xã Khánh Bình Đ, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau.

* *Bị đơn:* Anh Trịnh Lưu D, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 03E, đường Sư Vạn H, khóm , phường , thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Chị Nguyễn Cẩm Nh trình bày tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa như sau:*

-Về hôn nhân: Anh D và chị Nh tự nguyện kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ, chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, cuộc sống chung thường hay cự cãi nên vợ, chồng đã không sống chung từ năm 2020 cho đến nay. Mặc dù gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng càng lúc càng thêm trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị Nh yêu cầu được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Trịnh Lưu H, sinh ngày 06/01/2004. Khi ly hôn, cháu H trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu. Cháu Trịnh Như , sinh ngày 04/01/2014 hiện đang sống với chị Nh, khi ly hôn chị Nh yêu cầu nuôi con không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Quá trình giải quyết chị yêu cầu chia tài sản số tiền 1.300.000.000 đồng, chị yêu cầu chia đôi. Tại phiên tòa chị Nh xác định tài sản tự

thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nh khai vợ, chồng không có nợ ai và không ai nợ lại.

** Anh Trịnh Lưu D:*

Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập đến Tòa để tham gia tố tụng nhưng anh Trịnh Lưu D không có mặt và cũng không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Trịnh Lưu D vắng mặt, Tòa án căn cứ Điều 228, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Quan hệ tranh chấp: Về nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là ly hôn.

[3] Về hôn nhân: Chị Nh và anh D có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Lời trình bày của chị Nh do vợ, chồng sống không hợp nhau có nhiều mâu thuẫn, hiện tại anh, chị không còn yêu thương nhau, cả hai không ai quan tâm đến ai cuộc sống riêng mỗi người tự định đoạt, chị xác định cũng không còn tình cảm với anh D. Nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu của chị Nh, thì chị cũng không về chung sống với anh D, xét thấy tình cảm vợ chồng của anh, chị đã không còn, thì không ai có ý thức để xây dựng một gia đình chung cho nhau, nguyên nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, anh D cũng không đến Tòa án trình bày ý kiến của mình về việc yêu cầu của chị Nh, điều này chứng tỏ anh D không có ý thức hàn gắn vợ chồng.

Do đó, có cơ sở chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của chị Nh về việc xin ly hôn với anh D.

[4] Về con chung: Vợ, chồng có 02 người con chung tên Trịnh Lưu H, sinh ngày 06/01/2004. Khi ly hôn, cháu H đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu. Cháu Trịnh Như , sinh ngày 04/01/2014 hiện đang sống với chị Nh, khi ly hôn chị Nh yêu cầu nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét thấy cháu H đã trưởng thành nên không xem xét đến. Riêng đối với cháu Như hiện đang sống với chị Nh nên tiếp tục giao cháu Ý cho chị Nh nuôi dạy. Đồng thời, cháu Y muốn sống cùng với chị Nh nên tôn trọng ý kiến của cháu Y. Chị Nhung không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

Anh D không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền thăm nom chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[5] Về tài sản chung: Chị Nh xác định tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét đến.

[6] Về nợ chung, nợ riêng: Chị Nh xác định không có nợ ai và không ai nợ lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 28, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/20016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Cẩm Nh về việc xin ly hôn với anh Trịnh Lưu D.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trịnh Như Y, sinh ngày 04/01/2014 cho chị Nh nuôi dạy, chị Nh không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh D.

Anh D không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị Nguyễn Cẩm Nh phải nộp số tiền 300.000 đồng, ngày 01/7/2021, chị Nh đã dự nộp tiền tạm ứng án phí là 15.300.000 đồng, theo biên lai số 0001238 được đối trừ, số tiền còn lại 15.000.000 đồng trả lại cho chị Nh khi bản án có hiệu lực.

Chị Nh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Trịnh Lưu D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ;
- UBND xã Khánh Bình Đ, huyện
Trần Văn Th, tỉnh Cà Mau;
- Lưu Toà án Tp Cà Mau.

Nguyễn Thị Thắm